

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG BÔNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST  
Ngày 22 - 9 - 2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Minh; Ông Rmah In.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 42/2021/DSST ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/HPT-QĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ: Buôn A, xã D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thúy C, sinh năm 1975 (*có mặt*)

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Ngô Thành D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2021, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Bùi Thị H, trình bày:*

Vào ngày 30/3/2019 tôi có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy C và ông Ngô Thành D vay số tiền 120.000.000 đồng, hai bên viết giấy mượn tiền và có bà C ký nhận, thời hạn trả nợ là ngày 30/4/2019, hai bên có thỏa thuận lãi xuất

1,67%/tháng, do đến hạn nhưng vợ chồng bà C không chịu trả nợ, tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà C không chịu trả. Tuy nhiên, do ông Ngô Thành D không ký vào giấy vay nợ nên tôi không yêu cầu ông D phải trả nợ, tôi chỉ yêu cầu bà C phải có trách nhiệm trả nợ. Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy C phải trả cho tôi số nợ gốc là 120.000.000 đồng và lãi phát sinh 1,67%/tháng, tạm tính từ ngày 30/4/2019 đến ngày 13/7/2021 là 26 tháng 13 ngày với số tiền là 52.972.000 đồng.

*Bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021 và tại các biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Thúy C, đều trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của bà H như vậy tôi không chấp nhận, tôi thừa nhận là có ký giấy mượn tiền nhưng tôi không có nhận được tiền của bà H, chồng tôi là ông D không ký và không biết việc mượn tiền này, tôi chỉ ký giấy nhận nợ giúp cho anh T lúc đó anh T đang ở trọ tại nhà nghỉ của gia đình tôi, do anh T nợ tiền ghi sổ đề của chị H nên chị H có siết nợ chiếc xe ô tô của anh T đang sử dụng mà xe đó là do anh T mượn của người khác sử dụng nên tôi phải ký giấy nợ để anh T lấy chiếc xe ô tô đó về trả cho chủ xe. Do tôi không nhận được tiền về sử dụng nên tôi không đồng ý trả nợ cho bà H như đơn khởi kiện. Hiện nay tôi chỉ biết anh T đang làm ở tỉnh Bình Dương nhưng không biết địa chỉ cụ thể.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thành D, trình bày:* việc vợ tôi là Nguyễn Thị Thúy C vay tiền của chị H như thế nào tôi không được biết, quá trình viết giấy vay chỉ có vợ tôi ký giấy nợ, không có chữ ký của tôi, tôi cũng không biết vợ tôi vay tiền của chị H về sử dụng vào việc gì tôi không được biết, nay chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi cùng trả nợ tôi không đồng ý. Ông D từ chối tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H chỉ yêu cầu bà C trả nợ mà không yêu cầu ông D cùng trả nợ. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa bà H với bà C, nhưng hòa giải không thành.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: bà H cung cấp 01 Giấy mượn tiền ngày 30/3/2019 có chữ ký và chữ viết của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy C. Bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà Nguyễn Thị Thúy C có trách nhiệm trả cho bà Huyền số tiền nợ gốc 120.000.000đ. Về lãi suất, bà H cho rằng có thỏa thuận lãi 1,67% một tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền, bà H yêu cầu tính lãi từ ngày vay là ngày 30/3/2019 đến ngày xét xử 22/9/2021 là 29 tháng 22 ngày, với tổng số tiền lãi là 53.000.000 đồng (không tự tính được cụ thể).

Bị đơn Nguyễn Thị Thúy C vẫn giữ nguyên ý kiến là có viết và ký giấy vay nợ nhưng không được nhận tiền nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ chối tham gia tố tụng, bà H không yêu cầu ông D cùng trả nợ nên không triệu tập ông D tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật:* Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Bùi Thị H với bà Nguyễn Thị Thúy C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng bà H cho rằng ông D không biết việc mượn tiền giữa bà H và bà C nên không yêu cầu ông Ngô Thành D là chồng bà C cùng trả nợ, ông D khai không biết việc vay nợ giữa bà H với vợ ông như thế nào nên không cùng chịu trách nhiệm trả nợ và từ chối tham gia tố tụng. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

*[2] Về nội dung:* Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng: Vào ngày 30/3/2019 bà Nguyễn Thị Thúy C có ký giấy mượn tiền vay của bà H số tiền là 120.000.000 đồng, Hai bên có làm giấy tờ viết tay và cam kết sẽ trả nợ vào ngày 30/4/2019. Bà C thừa nhận là có ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, bà C cho rằng chỉ có ký nhận nợ thay và không được nhận tiền nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện cả bà H.

Bị đơn, bà C cho rằng chỉ ký vào giấy mượn tiền nhưng không được nhận tiền, chỉ ký nhận nợ thay người khác là anh T nên không chấp nhận trả nợ cho bà H. Bà C không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh và cũng không biết anh T ở đâu, ý kiến phản đối của bà C không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, cung cấp được giấy mượn tiền ngày 30/3/2019 với số tiền nợ gốc là 120.000.000đ và được bà C thừa nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà C tự viết và ký trong đó, nội dung do bà H đọc cho bà C viết. Như vậy, việc bà C có viết và ký vào giấy mượn tiền

là đúng sự thật, còn việc bà C có nhận được tiền hay không thì không chứng minh được, còn việc bà C nhận nợ thay cho ai thì bà C phải yêu cầu người đó trả nợ cho mình chứ không phải lấy lý do đó để từ chối trả nợ cho bà H, thời điểm bà C ký vào giấy mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không có căn cứ chứng minh bà bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, còn việc bà C có nhận được tiền hay không, được sử dụng hay không được sử dụng thì không có chứng cứ làm căn cứ để xem xét, đây là giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật, bà C phải chịu trách nhiệm với giao dịch của mình. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về số nợ gốc là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy C phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị H số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại phiên tòa bà H yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng (20%/năm), tính từ ngày vay 30/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/9/2021 là 53.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi của bà H chỉ được HĐXX chấp nhận một phần. Trong giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận vay thời hạn một tháng (từ ngày 30/3/2019 – 30/4/2019), không ghi thỏa thuận lãi suất trong giấy mượn tiền nên xác định là khoản vay không lãi nên chỉ được tính lãi kể từ ngày quá hạn, tại phiên tòa hai bên đương sự không thống nhất được cách tính nên không được HĐXX chấp nhận toàn bộ. HĐXX căn cứ vào khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để làm căn cứ giải quyết, tính theo mức 10%/năm, tính từ ngày quá hạn là ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/9/2021 là 28 tháng 22 ngày. Lãi suất 10% : 12 tháng x 120.000.000đ x 28 tháng 22 ngày = 28.733.000 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất vượt quá 10%/năm của nguyên đơn với số tiền là 24.267.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên buộc bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là (148.733.000đ x 5%) 7.437.000 đồng (lấy tròn số). Bà H phải chịu tiền án phí đối với số tiền lãi không được HĐXX chấp nhận với số tiền là (24.267.000đ x 5%) 1.213.000 đồng. Tuy nhiên bà H là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí nên bà Bùi Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu lãi suất không được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 220; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy C phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị H tổng số tiền nợ là 148.733.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 120.000.000đ và lãi suất phát sinh 10%/năm, tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày 22/9/2021 là 28.733.000 đồng (lấy tròn số).

Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất vượt quá 10%/năm của nguyên đơn với số tiền là 24.267.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

**Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thúy C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.437.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng*) (lấy tròn số). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Bà Bùi Thị H phải chịu 1.213.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Bùi Thị H là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí. Miễn 100% tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho bà H đối với yêu cầu tính lãi suất không được HĐXX chấp nhận.

Trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 4.202.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004786 ngày 10/5/2021.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Hồi**